

Bản án số: 01/2019/KDTM – PT.

Ngày: 11/3/2019.

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;

Ông Lương Xuân Lộc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 và ngày 11/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2018/TLPT- DS ngày 03/12/2018 về việc: “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2019/QĐ-PT ngày 27/12/2018 và các Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng V (VAMC).

Trụ sở chính: Số 22 Hàng V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H – Chủ tịch Hội đồng thành viên VAMC.

Đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Hữu Th - Tổng Giám đốc VAMC (Theo quyết định uỷ quyền số 06/QĐ-CT ngày 19/2/2016).

Người nhận uỷ quyền lại: Ông Hoàng Minh T – Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh Khu Công nghiệp Đình Trám B - Theo giấy uỷ quyền lại số 238/VAMC-UQ ngày 03/11/2016, (có mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất và Thương mại Th, (Công ty TNHH MTV SX & TM Th).

Trụ sở Công ty: Thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Bích Th1 – Giám đốc Công ty, (vắng mặt).

HKTT: Thôn V, xã Ng, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Luật sư Nguyễn Bá Ng- Công ty Luật số 1, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1-Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh khu Công nghiệp Đình Trám B.

Địa chỉ: Khu trung tâm điều hành Khu công nghiệp Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Lâm Văn Kh – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh khu Công nghiệp Đình Trám B.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Minh T –Văn bản uỷ quyền số 494/NHNo-KCN ngày 08/8/2018, (có mặt);

1-..... Ông

Nguyễn Văn K, sinh năm 1945, (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 51, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K: Luật sư Nguyễn Văn H1 – Công ty Luật TNHH số 1 Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh, có mặt;

3- Chị Nguyễn Thị B, sinh ngày 1975 - Con ông K, (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu 3, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

4- Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1980 - Con ông K, (có đơn xin xét xử vắng mặt);

5- Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1983 - Con ông K, vắng mặt.

Chị Giang uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn H, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

6- Văn phòng Công chứng M nay đổi tên là Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Ng.

Địa chỉ: Số 28A, đường Th, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Ng1 – Trưởng phòng Công chứng, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng V (VAMC) do ông Hoàng Minh Tú là người đại diện theo uỷ quyền đã trình bày:

Ngày 17/9/2011, Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V (Agribank) -Chi nhánh khu Công nghiệp Đình Trám B (Ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1122TN/HĐTD. Theo đó, Công ty đã vay của Ngân hàng số tiền là: 800.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Chi phí vốn lưu động để sản xuất vải không dệt; thời hạn vay là 12 tháng.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay của Công ty tại Ngân hàng, bên thứ 3 là ông Nguyễn Văn K và các con ông K là chị Nguyễn Thị B; anh Nguyễn Văn H; chị Nguyễn Thị G và Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 112215.N/HĐTC ngày 19/9/2011. Tài sản thế chấp là QSDĐ có diện tích 55,35m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 25 tại số nhà 517, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T2 do UBND thành phố B đã cấp ngày 21/02/2006 có số: AL 767368; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ: H02748/QĐ số 27/QĐ;

Ngày 12/8/2015, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V đã bán khoản nợ của Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V (VAMC) theo Hợp đồng mua bán nợ số 13290/2015/MBN.VAMC1-AGRIBANK. Kể từ ngày 12/8/2015, VAMC sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V đối với khoản vay của khách hàng là Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th.

Tính đến ngày 06/9/2018, Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 219.600.000 đồng và số tiền lãi là 18.905.000 đồng.

Nay, Công ty VAMC yêu cầu Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th phải trả cho Công ty VAMC tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 1.547.994.548 đồng, trong đó tiền gốc là: 580.400.000 đồng; tiền lãi là: 967.594.548 đồng (bao gồm tiền lãi trong hạn là 57.939.444 đồng; tiền lãi quá hạn là: 909.655.104 đồng). Trong trường hợp Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th không trả được tiền cho Ngân hàng thì VAMC đề nghị xử lý tài sản thế chấp của bên thứ b3 để thu hồi nợ.

Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất và Thương mại Th, (Công ty TNHH MTV SX & TM Th) do bà Trần Thị Bích Th1 là Giám đốc Công ty đã trình bày: Ngày 17/9/2011, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng để vay Ngân hàng số tiền 800.000.000 đồng để phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty. Đến ngày 07/1/2014, Công ty đã thanh toán được một số tiền gốc nhưng bà không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Khi Công ty vay tiền của Ngân hàng đã được sự bảo lãnh tài sản của bên thứ 3 là nhà và đất tại địa chỉ số 517, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang của hộ gia đình ông Nguyễn Văn K. Nay, VAMC khởi kiện và yêu cầu Công ty phải trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi thì bà cũng đồng ý nhưng bà

xin được trả dần vì điều kiện kinh doanh của Công ty hiện đang gặp khó khăn. Công ty đề nghị Ngân hàng không kê biên, phát mại tài sản thế chấp của bên thứ 3 và tạo điều kiện về thời gian để cho Công ty trả hết tiền cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

1- Ông Nguyễn Văn K đã trình bày: Ông có 3 người con là chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1975; anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1980; chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1983. Ông có quen biết với bà Trần Thị Bích Th1 là Giám đốc Công ty. Do được các con ủy quyền nên ngày 19/9/2011, ông đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh khu Công nghiệp Đình Trám B để bảo lãnh cho Công ty vay tiền của Ngân hàng. Việc ông ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng là vì bà Th1 đã thỏa thuận với ông là: Nếu ông dùng tài sản của hộ gia đình ông để thế chấp cho Ngân hàng, bảo đảm cho Công ty vay tiền của Ngân hàng để mua máy móc phục vụ cho việc kinh doanh may mặc thì Công ty sẽ tiếp nhận con trai và con gái ông là anh H2 và chị B vào làm việc trong Công ty. Việc thỏa thuận này giữa ông và bà Th1 không lập thành văn bản. Sau khi Công ty vay được tiền ở Ngân hàng được khoảng 01 tháng thì bà Th1 có nói với ông là Công ty sẽ dùng tiền vay của Ngân hàng để mua một máy dập nhiệt trị giá 800.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Th1 còn nhờ ông đi tìm một thửa đất rộng khoảng 400m² – 500m² để Công ty thuê làm nhà xưởng và đưa máy dập nhiệt về để sản xuất hàng may nên ông tin tưởng và đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng. Nhưng theo ông được biết thì sau khi Công ty nhận tiền vay của Ngân hàng thì Công ty đã không mua máy móc như bà Th1 đã nói với ông. Các con ông cũng không được bà Th1 tiếp nhận vào làm việc tại Công ty.

Tài sản thế chấp gồm nhà đất mà hiện gia đình ông đang ở, ngôi nhà trên đất được ông xây dựng từ năm 2008, đất này đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị T1. Bà T1 đã chết từ tháng 01/2007. Khi bà T1 chết thì bố mẹ bà T1 đều không còn.

Trước khi ông ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng thì mọi thủ tục ủy quyền của các con ông cho ông đi ký Hợp đồng là do bà Th1 tự làm. Ông và các con ông không cùng tập trung tại Văn phòng Công chứng để ký vào Giấy ủy quyền này. Bà Th1 đã tự đi lấy chữ ký của các con ông trước sau đó chỉ có ông và bà Th1 đến Văn phòng Công chứng M làm thủ tục ủy quyền mà các con ông không có mặt. Nay, ông không đồng ý kê biên, phát mại tài sản thế chấp là nhà và đất của hộ gia đình ông vì Hợp đồng thế chấp tài sản đã vi phạm pháp luật nên được coi là vô hiệu. Ông đề nghị Ngân hàng phải trả lại cho ông Giấy chứng nhận QSDĐ.

2-Chị Nguyễn Thị B; chị Nguyễn Thị G; anh Nguyễn Văn H2 đều trình bày: Các anh chị đều là con của ông K và đều đồng ý với ý kiến của ông K đã trình bày: Các anh chị đã ký Hợp đồng ủy quyền cho ông K về việc ông K được quyền giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản là nhà và đất để bảo lãnh cho Công ty Trách

nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất và Thương mại Th vay tiền của Ngân hàng là đúng. Tuy nhiên Hợp đồng ủy quyền này là do bà Th1 mang đến cho các anh chị và yêu cầu các anh chị ký chữ các anh chị đều không đọc nội dung và không đến Văn phòng Công chứng để làm thủ tục. Do bận công việc nên các anh chị đều ủy quyền cho ông K tham gia tố tụng tại Tòa án.

3-Văn phòng Công chứng M do ông Nguyễn Văn L1 -Trưởng phòng Công chứng là Người đại diện theo pháp luật đã trình bày: Ngày 17/9/2011, Văn phòng Công chứng đã thực hiện việc công chứng Giấy ủy quyền với nội dung: Các con của ông K gồm chị Nguyễn Thị Bắc, anh Nguyễn Văn Hà, chị Nguyễn Thị Giang đều ủy quyền cho ông K được đại diện hộ gia đình ký kết và thực hiện Hợp đồng thế chấp tài sản và các giấy tờ có liên quan đến việc thế chấp tài sản giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V- Chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám B với Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th với ông Nguyễn Văn K. Ngày 19/9/2011, Văn phòng Công chứng đã thực hiện việc công chứng Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 112215.N/HĐTC giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám B và bên thế chấp tài sản là ông Nguyễn Văn K. Tài sản thế chấp đã được thể hiện như trong Hợp đồng, bên vay vốn là Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th. Văn phòng Công chứng đã thực hiện việc công chứng các văn bản như đã trên là đúng trình tự theo quy định pháp luật. Đối với việc công chứng Giấy ủy quyền thì tại thời điểm công chứng thì các con của ông K đều có mặt đầy đủ; Các bên khi giao kết Hợp đồng đều có năng lực hành vi dân sự. Trước khi ký các bên đều được đọc lại và nhất trí với nội dung đã giao kết và ký vào giấy trước sự có mặt của Công chứng viên.

Do có nội dung trên, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện V đã áp dụng khoản 1 Điều 30; Điều 147, 271, 273, 278 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 317, 318, 342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 716, 720, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 130 Luật đất đai năm 2003; Các Điều 91; 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V:

1. Buộc Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V tổng số tiền gốc và lãi là: 1.547.994.548 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng) trong đó số tiền gốc là: 580.400.000 đồng; tiền lãi là: 967.594.548 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là: 57.939.444 đồng; tiền lãi quá hạn là: 909.655.104 đồng).

2. Giữ nguyên các Hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng với Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th và giữa Ngân hàng với bên thứ ba tham gia thế chấp tài sản bảo đảm để đảm bảo cho việc thi hành án, cụ thể:

2.1. Hợp đồng tín dụng số 1122TN/HĐTD ngày 17/9/2011.

2.2. Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba (bằng QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất) số 112215.N/HĐTC ngày 19/9/2011 (Tài sản thế chấp là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 119, tờ bản đồ số 25 thuộc số nhà 517, đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay tài sản này do gia đình ông Nguyễn Văn K là chủ sở hữu tài sản đang quản lý và sử dụng.

3. Về chi phí tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th phải hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V Công số tiền là: 3.000.000 đồng tiền chi phí đăng phát tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

4. Về án phí KDTMST: Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 58.439.836 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng). Trả lại Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V 19.476.000 đồng (Mười chín triệu bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/002860 ngày 08/11/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 07/9/2018, Tòa án nhân dân huyện V ban hành quyết định số 02/2018/QĐ-SCBSBA về việc sửa chữa bản án sơ thẩm.

Ngày 18/9/2018, ông Nguyễn Văn K nộp đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm vì lý do Hợp đồng thế chấp tài sản là vô hiệu nhưng bản án sơ thẩm đã giữ nguyên Hợp đồng thế chấp tài sản là không đúng.

Ngày 03/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V vì lý do bản án sơ thẩm đã có 1 số các sai sót cụ thể như: Bản án đã quyết định giữ nguyên các Hợp đồng được ký kết giữa các bên là không đúng; không giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc đề nghị kê biên, phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty không trả được tiền cho VAMC; không giải quyết về phần án phí sơ thẩm của ông K; tuyên hoàn trả án phí sơ thẩm cho VAMC

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V là không đúng đối tượng và không đúng địa chỉ; Không áp dụng Điều luật về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án theo địa chỉ của Bị đơn là không đầy đủ; việc Tòa án sơ thẩm ra quyết định đình chỉ bản án về việc xử lý án phí của ông K là không đúng quy định của BLTTDS về những vấn đề được đình chỉ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn là VAMC do ông Hoàng Minh T đại diện theo ủy quyền không rút đơn khởi kiện; ông Nguyễn Văn K người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ông Nguyễn Văn K và Luật sư Nguyễn Văn H1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K đều trình bày: Ngày 01/10/2013, Ngân hàng có đơn khởi kiện và đề nghị Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th không trả được tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba để thu hồi nợ. Ngày 26/7/2016, Ngân hàng đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã không ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự là vi phạm điểm c, khoản 1, khoản 3, Điều 217 và khoản 1, Điều 218 BLTTDS.

Ngày 03/11/2016, VAMC có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả tiền cho VAMC toàn bộ tiền gốc và tiền lãi. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th không trả được tiền cho VAMC thì VAMC đề nghị xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba để thu hồi nợ. Như vậy, vụ án có hai chủ thể cùng là Nguyên đơn và cùng khởi kiện 1 nội dung là vi phạm nghiêm trọng BLTTDS.

Ngày 17/9/2011, Công ty và Ngân hàng đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1122TN/HĐTD nhưng đến ngày 19/9/2011, ông K mới ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký nên Hợp đồng tín dụng này không có tài sản đảm bảo và đã vi phạm điều kiện cho vay, mục đích cho vay và sử dụng vốn vay. Việc giải ngân của Ngân hàng cho Công ty sau khi Công ty xuất trình Hợp đồng mua bán hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng nhưng thực chất Công ty không có trụ sở cố định; Giám đốc Công ty thường xuyên không có mặt tại địa phương; Ngân hàng xác định Công ty sử dụng vốn vay đúng mục đích là không đúng thực tế. Hợp đồng thế chấp tài sản có sau Hợp đồng tín dụng 2 ngày nhưng cán bộ tín dụng đã điền ngày và điền số của Hợp đồng thế chấp tài sản vào Hợp đồng tín dụng là vi phạm Quyết định số 1627/2001 ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước. Ông K ký Hợp đồng thế chấp tài sản trong tình trạng bị lừa dối do vậy Hợp đồng thế chấp tài sản này là vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm đã xử.

* Luật sư Nguyễn Bá Ng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th đã trình bày: Đề nghị VAMC và Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian cho Công ty trong khoảng 1 tháng nữa thì Công ty sẽ đồng ý

trả cho VAMC toàn bộ số tiền gốc (580.400.000 đồng) và tiền lãi trong hạn (157.939.444 đồng), đối với số tiền lãi quá hạn là 909.655.104 đồng thì Công ty đề nghị VAMC miễn toàn bộ tiền lãi quá hạn (909.655.104 đồng) cho Công ty.

*Ông Hoàng Minh T là người đại diện theo ủy quyền của VAMC và Ngân hàng đã trình bày: VAMC và Ngân hàng đều không nhất trí với những ý kiến của ông K và Luật sư H1 đã nêu vì Hợp đồng thế chấp tài sản được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ngày 17/9/2011, Công ty và Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng. Ngày 19/9/2011, ông K ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng. Ngày 21/9/2011, Ngân hàng mới giải ngân cho Công ty. Khi Công ty và Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng thì ông K và Ngân hàng chưa ký Hợp đồng thế chấp tài sản nhưng ông K đã được các con ông K ký Giấy ủy quyền để ông K thực hiện việc ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng. Mặc dù Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết sau ngày Công ty và Ngân hàng ký kết Hợp đồng tín dụng nhưng cán bộ của Ngân hàng đã điền sẵn số và ngày của Hợp đồng thế chấp tài sản trong mục tài sản đảm bảo của Hợp đồng tín dụng. Số và ngày của Hợp đồng thế chấp tài sản (số 112215.N/HĐTC; ngày 19/9/2011) được ông K và cán bộ Ngân hàng xác định trước ngày 2 bên ký Hợp đồng thế chấp tài sản. Tại phiên tòa, Luật sư Ng (Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th) đã đề nghị VAMC và Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi quá hạn cho Công ty và đề nghị cho Công ty được trả dần số tiền còn nợ thì VAMC và Ngân hàng đều không đồng ý. Bà Th1 là Giám đốc Công ty cũng đã có nhiều văn bản khất nợ với Ngân hàng nhưng Công ty đã không thực hiện trả nợ đúng hạn như văn bản mà bà Th1 đã cam kết. Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay ông được tham gia vụ án với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của VAMC và Ngân hàng nhưng cũng không có thẩm quyền xét miễn giảm tiền lãi cho Công ty theo như đề nghị của Luật sư Ng.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang vẫn giữ nguyên kháng nghị và phát biểu quan điểm cụ thể như sau:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông K, chấp nhận nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang, sửa bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 17/9/2011, Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V (Agribank) - Chi nhánh khu Công

nghiệp Đình Trám B (Ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1122TN/HĐTD. Theo Hợp đồng tín dụng, Công ty đã vay của Ngân hàng số tiền là: 800.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Chi phí vốn lưu động để sản xuất vải không dệt; thời hạn vay là 12 tháng.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay của Công ty tại Ngân hàng, bên thứ ba là ông Nguyễn Văn K và các con ông K là chị Nguyễn Thị B; anh Nguyễn Văn H2; chị Nguyễn Thị G và Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 112215.N/HĐTC ngày 19/9/2011. Tài sản thế chấp là QSDĐ có diện tích 55,35m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 25 tại số nhà 517, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T1 do UBND thành phố B đã cấp ngày 21/02/2006 có số: AL 767368; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ: H02748/QĐ số 27/QĐ;

Ngày 12/8/2015, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V đã bán khoản nợ của Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V (VAMC) theo Hợp đồng mua bán nợ số 13290/2015/MBN.VAMC1-AGRIBANK. Kể từ ngày 12/8/2015, VAMC sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V đối với khoản vay của khách hàng Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th.

Tính đến ngày 06/9/2018, Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th mới trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 219.600.000 đồng và số tiền lãi là 18.905.000 đồng. Từ đó đến nay Công ty không trả được tiền cho Ngân hàng.

Ngày 01/10/2013, Ngân hàng có đơn khởi kiện và đề nghị Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 590.400.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày khởi kiện 01/10/2013 là 398.025.549 đồng. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th không trả được tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba để thu hồi nợ.

Ngày 26/7/2016, Ngân hàng đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

Ngày 03/11/2016, VAMC có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả tiền cho VAMC toàn bộ tiền gốc và tiền lãi. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th không trả được tiền cho VAMC thì VAMC đề nghị xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba để thu hồi nợ.

Ngày 14/5/2018, Tòa án nhân dân huyện V đã có quyết định số 09/TB về việc thay đổi địa vị tố tụng trong đó VAMC được xác định là Nguyên đơn, Ngân hàng được xác định là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th do bà Trần Thị Bích Thảo là Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về khoản tiền gốc và tiền lãi.

Tuy nhiên, Bà Th1 và ông Nguyễn Văn K đều không đồng ý về việc Ngân hàng đề nghị kê biên phát mại tài sản thế chấp là nhà và đất của hộ gia đình ông Kinh.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và buộc bị đơn là Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th phải trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng; Giữ nguyên các Hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng với Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th và giữa Ngân hàng với bên thứ ba tham gia thế chấp tài sản bảo đảm để đảm bảo cho việc thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông K kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử vì lý do Hợp đồng thế chấp tài sản đã vô hiệu do ông K đã bị lừa dối khi ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng; Hợp đồng tín dụng giữa Công ty và Ngân hàng đã vi phạm pháp luật vì Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty là không đúng các quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã rút đơn khởi kiện nhưng Tòa án không ban hành quyết định đình chỉ vụ án là không đúng; cùng 1 thời điểm nhưng vụ án có 2 Nguyên đơn là không đúng

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Quyết định kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm vì lý do bản án sơ thẩm đã có những sai sót cụ thể như: Bản án đã quyết định giữ nguyên các Hợp đồng được ký kết giữa các bên là không đúng; không giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc đề nghị kê biên, phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty không trả được tiền cho VAMC; không giải quyết về phần án phí sơ thẩm của ông K; tuyên hoàn trả án phí sơ thẩm cho VAMC tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V là không đúng đối tượng và không đúng địa chỉ; Không áp dụng Điều luật về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án theo địa chỉ của Bị đơn là không đầy đủ; việc Tòa án sơ thẩm ra quyết định đình chỉ bản án về việc xử lý án phí của ông K là không đúng quy định của BLTTDS về những vấn đề được đình chỉ.

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông K, Hội đồng xét xử xét thấy.

[1.1] –Về việc ông K đã trình bày: Sau khi Ngân hàng rút đơn khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự là vi phạm điểm c, khoản 1, khoản 3, Điều 217 và khoản 1, Điều 218 BLTTDS; ngày 03/11/2016, VAMC có đơn khởi kiện đối với Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th, vụ án đã có hai chủ thể cùng là Nguyên đơn cùng khởi kiện 1 nội dung trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng BLTTDS, Hội đồng xét xử xét thấy.

Sau khi Ngân hàng có đơn xin rút đơn khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành quyết định đình chỉ vụ án là không đúng quy định của BLTTDS. Tuy nhiên vấn đề này không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Sau khi Ngân hàng có đơn xin xin rút đơn khởi kiện thì VAMC có đơn khởi kiện Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th, Tòa án cấp sơ thẩm đã có

quyết định thay đổi địa vị tổ tụng và xác định Nguyên đơn là VAMC còn Ngân hàng là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Như vậy, không thể nói trong cùng 1 thời điểm vụ án có 2 chủ thể là Nguyên đơn trong vụ án được.

[1.2] -Xét yêu cầu kháng cáo của ông K về việc Hợp đồng tín dụng giữa Công ty và Ngân hàng đã vi phạm pháp luật vì Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty là không đúng các quy định của Luật các tổ chức tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với ông K đã vô hiệu do ông K bị lừa dối khi ký kết hợp đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V- Chi nhánh khu Công nghiệp Đình Trám B và Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th ngày 17/9/2011 là Hợp đồng vay tài sản có lãi và có thời hạn, phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Trước khi ký kết Hợp đồng tín dụng Công ty đã xuất trình Giấy phép đăng ký kinh doanh; phương án kinh doanh; các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, do vậy Hợp đồng tín dụng này là hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 405 BLDS năm 2005 thì Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực pháp luật từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty Th ngày 17/9/2011 thì ông K và Ngân hàng chưa ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản nhưng cán bộ tín dụng đã ghi sẵn số Hợp đồng thế chấp tài sản và ngày ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản trong tương lai (ngày 19/9/2011) là không đúng quy định theo Điều 405 của BLDS năm 2005 quy định về hiệu lực của Hợp đồng như đã viện dẫn ở trên.

Tuy nhiên, ngày 19/9/2011, đại diện của Ngân hàng, ông K và các con của ông K là chị Hà, anh Bắc, chị Giang (đã có Giấy ủy quyền cho ông K) tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 112215.N/HĐTC ngày 19/9/2011. Tài sản thế chấp là QSDĐ có diện tích 55,35m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 25 tại số nhà 517, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T1 do UBND thành phố B đã cấp ngày 21/02/2006 có số AL 767368; sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ: H02748/QĐ số 27/QĐ;

Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Minh Khai và đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký QSDĐ thành phố B là phù hợp với các quy định tại khoản 5, khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 361, Điều 369, Điều 688, Điều 692 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 46 của Luật đất đai năm 2003 và khoản 4 Điều 146 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/11/2004 của Chính Phủ về thi hành Luật đất đai. Phía ông K cho rằng ông K bị lừa dối khi ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản nhưng ông K không xuất trình được chứng cứ chứng minh.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa các bên có hiệu lực pháp

luật kể từ ngày 19/9/2011. Trước ngày 19/9/2011 (từ ngày 17/11/2011 đến ngày 18/9/2011) thì Hợp đồng tín dụng được coi là không có tài sản đảm bảo.

[2]- Về nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]- Về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết hết đối với yêu cầu của đương sự và không giải quyết về phần án phí sơ thẩm và đính chính bản án sơ thẩm không đúng quy định của BLTTDS thì thấy:

- Quá trình giải quyết vụ án, ông K đã trình bày: Ông K đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng là do ông K bị bà Th1 lừa dối nên ông K không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị phát mại tài sản thế chấp là nhà đất của gia đình ông K; trong trường hợp Công ty Th không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông K yêu cầu Ngân hàng phải trả lại gia đình ông K Giấy chứng nhận QSDĐ. Căn cứ yêu cầu này của ông K, Tòa án cấp sơ thẩm Thông báo cho ông K nộp tiền tạm ứng án phí. Ông K đã nộp 200.000đồng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố của ông K. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Hợp đồng thế chấp tài sản là có giá trị pháp lý nhưng không giải quyết đối với yêu cầu của ông K về việc đề nghị Ngân hàng phải trả lại gia đình ông K Giấy chứng nhận QSDĐ. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xử lý số tiền tạm ứng án phí của ông K. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết hết các yêu cầu của ông K và không xử lý số tiền tạm ứng án phí của ông K là thiếu sót, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

- Theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/002860 ngày 08/11/2013, xác định số tiền Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V- Chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám B đã nộp tạm ứng án phí với số tiền là 19.476.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B, nhưng phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên trả lại Công ty quản lý tài sản (VAMC) số tiền 19.476.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết về phần án phí sơ thẩm như đã nêu trên là không chính xác về đối tượng được nhận tiền tạm ứng án phí cũng như địa chỉ của Cơ quan Thi hành án dân sự, cần rút kinh nghiệm.

- Sau khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 02/2018/QĐ-SCBSBA ngày 07/9/2018 về việc xử lý tiền tạm ứng án phí của ông K và của Ngân hàng cụ thể như sau:

“Bác đơn yêu cầu độc lập của ông K; Hoàn trả ông Nguyễn Văn K 200.000đ tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/003191 ngày 10/3/2014 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang”
...“Hoàn trả Công ty Quản lý tài sản (VAMC) số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang”.

Việc đính chính bản án cũng là không chính xác về địa chỉ của Cơ quan thi hành án vì cả 02 đương sự đều nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B chứ

không phải là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang hay Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang như Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm đã nêu. Hơn nữa, việc đình chính bản án về nội dung hoàn trả tiền tạm ứng của ông K là không thuộc trường hợp được sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]- Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã nêu: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên giữ nguyên các Hợp đồng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm; giải quyết không đúng yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, viện dẫn điều luật không đầy đủ và không chính xác. Về những nội dung này thì thấy:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, Công ty Quản lý tài sản (VAMC) ngoài yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV sản xuất và thương mại Th trả số tiền còn nợ tính đến ngày 06/9/2018 là 1.547.994.548 đồng thì Công ty Quản lý tài sản (VAMC) còn đề nghị: Trong trường hợp Công ty TNHH MTV sản xuất và thương mại Th không trả được nợ thì đề nghị kê biên, phát mại tài sản thế chấp của bên thứ ba là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại số nhà 517, đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang của hộ gia đình ông Nguyễn Văn K. Nhưng tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên: “Giữ nguyên Hợp đồng tín dụng số 1122TN/HĐTD ngày 17/9/2011 và giữ nguyên Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba là giải quyết không đúng yêu cầu của Nguyên đơn. Việc bản án không tuyên về việc VAMC có quyền đề nghị kê biên, phát mại tài sản thế chấp dẫn đến bản án sẽ không thi hành được. Việc tuyên giữ nguyên Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp là không đúng thẩm quyền của Tòa án vì: Chỉ các chủ thể được tham gia giao kết Hợp đồng mới có quyền giữ nguyên, thay đổi hay hủy bỏ Hợp đồng.

- Phần quyết định của Bản án sơ thẩm viện dẫn áp dụng khoản 1 Điều 30 Bộ luật TTDS về thẩm quyền theo loại việc, nhưng không viện dẫn điều luật áp dụng về thẩm quyền theo lãnh thổ để giải quyết vụ án là không đầy đủ (điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS).

Từ sự phân tích trên cần chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang sửa 1 phần bản án đã xử mà không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm theo như đề nghị của ông K và Luật sư H1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K đã đề nghị.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm 1 số các vấn đề sau:

Theo khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án đã quy định: “Đối với những vụ việc đã được Tòa án thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm hoặc theo thủ tục phúc thẩm trước ngày 01/01/2017 nhưng sau ngày 01/01/2017 Tòa án mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm thì các quyết định về án phí, lệ phí Tòa án được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; trường hợp theo quy định của Pháp

lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mà đương sự, người bị kết án phải chịu án phí, lệ phí Tòa án nhưng theo quy định của Nghị quyết này thì đương sự, người bị kết án không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì áp dụng quy định của Nghị quyết này”.

Vụ án được thụ lý từ ngày 08/11/2013 nhưng bản án sơ thẩm lại áp dụng Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án là không đúng quy định khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14.

Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, đến ngày 19/8/2014, Tòa án nhân dân thành phố B có Quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V nhưng đến ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện V mới xét xử vụ án. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện V có nhiều lần ban hành Quyết định tạm đình chỉ vụ án cụ thể là: Quyết định TĐC ngày 04/7/2016 và Quyết định TĐC ngày 12/01/2018 (BL 363, 374). Tuy nhiên các lý do tạm đình chỉ vụ án là không có căn cứ và không đúng với quy định tại Điều 214 BLTTDS. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án được quy định tại Điều 203 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại nơi cư trú của bà Th1 là người đại diện của Công ty TNHH MTV sản xuất và thương mại Th vắng mặt tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo tìm kiếm bà Th1 (người đại diện của Công ty TNHH MTV sản xuất và thương mại Th là Bị đơn trong vụ án) là không cần thiết vì: Nếu có việc bà Th1 vắng mặt nơi cư trú thì cần niêm yết các văn bản tố tụng theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 177 BLTTDS và Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 05/5/2014.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang sửa 1 phần bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; các Điều 147, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 317, 318, 342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 716, 720, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 130 của Luật đất đai 2003; các Điều 91; 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án, Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V; không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông K.

1. Buộc Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V tổng số tiền gốc và lãi là: 1.547.994.548 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm chín mươi bốn

ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng) Trong đó số tiền gốc là: 580.400.000 đồng; tiền lãi là: 967.594.548 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là: 57.939.444 đồng; tiền lãi quá hạn là: 909.655.104 đồng).

2. Trường hợp Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 112215.N/HĐTC ngày 19/9/2011 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V (Agribank) - Chi nhánh khu Công nghiệp Đình Trám B với ông Nguyễn Văn K; Tài sản thế chấp là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 119, tờ bản đồ số 25 tại số nhà 517, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T1 do UBND thành phố B đã cấp ngày 21/02/2006 có số AL 767368; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ: H02748/QĐ số 27/QĐ;

3. Về chi phí tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th phải hoàn trả cho Công ty Quản lý tài sản - VAMC 3.000.000 đồng tiền chi phí đăng phát tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

4. Về án phí KDTMST:

Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Th phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 58.439.836 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V (Agribank) - Chi nhánh khu Công nghiệp Đình Trám B số tiền tạm ứng án phí là 19.476.000 đồng (Mười chín triệu bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/002860 ngày 08/11/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn K 200.000đ tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/003191 ngày 10/3/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Về án phí KDTMPT: Ông K không phải nộp án phí KDTMPT.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong thời hạn bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện V;
- Chi cục THADS thành phố B
- Chi cục THADS huyện V ;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Xuân Lộc Trần Thị Hà

Phạm Thị Minh Hiền

